

Số: 728/BC-THCSHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 18 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường THCS Hồng Thái Đông

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử):

Địa chỉ: Thôn Yên Dưỡng – xã Hồng Thái Đông – TX Đông Triều – tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại:

Website: <https://thcshongthaidong@dongtrieu.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp.

Loại hình đào tạo: Chính quy

Nhóm trường: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng giáo dục và đào tạo thị xã Đông Triều

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Tầm nhìn

Là một trong những trường THCS trên địa bàn xã Hồng Thái Đông mà người dân sinh sống tại địa phương này lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

Sứ mệnh

Xây dựng môi trường học tập có nền nếp, kỷ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Hệ thống giá trị cơ bản

Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh, sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Hồng Thái Đông được thành lập từ tháng 8/2001 trên cơ sở việc tách trường Phổ thông cơ sở Phạm Hồng Thái thành trường THCS Hồng Thái Đông. Trường đứng chân tại thôn Yên Dưỡng, có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu giáo dục ở bậc trung học cơ sở cho con em nhân dân ở 5 thôn hành chính của xã Hồng Thái Đông. Trải qua 22 năm xây dựng và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã Hồng Thái Đông, sự chỉ đạo sát sao về nghiệp vụ và chuyên môn của phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều, chỉ bộ nhà trường đã lãnh chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám hiệu, điều hành công tác chuyên môn nghiệp vụ tới cán bộ, đảng viên, giáo viên và nhân viên, đạt được nhiều thành tích trong sự nghiệp giáo dục thông qua các phong trào thi đua, góp phần vào sự phát triển giáo dục của xã Hồng Thái Đông nói riêng và của giáo dục thị xã Đông Triều nói chung.

Từ khi được thành lập đến nay là trường hạng III có quy mô 12 đến 17 lớp với số học sinh năm sau tăng hơn năm trước. Năm học 2023-2024, trường có 17 lớp với 709 học sinh. Năm học 2024-2025 trường có 18 lớp với 746 học sinh.

Chất lượng giáo dục của nhà trường có sự chuyển biến rõ rệt, tỷ lệ học sinh lên lớp 100%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS là 100%, nhà trường đều có HS giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh. Đội ngũ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn 01 chiếm 4,5%, đạt chuẩn 22 chiếm 100% (theo Luật Giáo dục năm 2019), số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh là 04 giáo viên, nhiều giáo viên được công nhận là chiến sĩ thi đua, được tặng thưởng giấy khen, bằng khen của các cấp.

Năm học 2023-2024, nhà trường được công nhận "Tập thể lao động tiên tiến". Năm 2023 nhà trường được công nhận Trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo QĐ số 1753/QĐ-SGD&ĐT ngày 27/12/2023 và trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 273/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Sở giáo dục và đào tạo Quảng Ninh.

Sự phát triển của nhà trường không thể không nói đến vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Công đoàn nhà trường đã phát huy được vai trò của mình trong việc chăm lo đời sống tinh thần cho CBGVNV luôn thăm hỏi động viên công đoàn viên kịp thời. Công đoàn là nơi gửi gắm tâm tư, nguyện vọng của anh chị em, đồng thời tổ chức cho CBGV hưởng ứng các cuộc thi đua, các cuộc vận động của ngành.

Quá trình hình thành và phát triển của trường THCS Hồng Thái Đông được sự quan tâm của Phòng GD&ĐT Đông Triều luôn động viên, chỉ đạo Ban giám hiệu nhà trường theo đúng lộ trình các cấp, ban ngành chỉ đạo. UBND xã Hồng Thái Đông luôn quan tâm chỉ đạo chỉ bộ nhà trường trong công tác Đảng, chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn phối hợp với nhà trường trong các hoạt động tại địa phương. Về mặt an ninh- trật tự trường thuộc địa bàn đảm bảo của công an xã Hồng Thái Đông nên trong suốt quá trình phát triển của mình xã cùng với trường phối hợp rất tốt trong việc đảm bảo môi trường an ninh - trật tự.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Thu Thủy
 Chức vụ: Hiệu trưởng
 Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Yên Dưỡng – xã Hồng Thái Đông – TX Đông Triều – tỉnh Quảng Ninh.
 Số điện thoại: 0982.576.292
 Gmail: thcs.yt.ntthuy@dongtrieu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục (nếu có);
 Trường THCS Hồng Thái Đông được thành lập từ tháng 8 năm 2021.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THCS Hồng Thái Đông.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: QĐ số 2247/QĐ-UBND ngày 30/08/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý.

Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng QĐ số 1844/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND thị xã Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm lại viên chức cán bộ quản lý.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Cơ chế hoạt động của trường THCS Hồng Thái Đông

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường THCS Hồng Thái Đông có đủ cơ cấu về các tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, hệ thống lớp học và được tổ chức, quản lý theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020, trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập và hoạt động có nề nếp, tổ trưởng là các đồng chí có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác, hoạt động của tổ góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Trường có đầy đủ tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các tổ chức trong nhà trường hoạt động đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các hoạt động giáo dục được triển khai thực hiện theo Điều lệ trường trung học và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường năm học 2023-2024 đảm bảo đúng hướng chỉ đạo của Cấp ủy Đảng, Chính

quyền địa phương và của Ngành Giáo dục. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Thực hiện đầy đủ các phong trào thi đua do ngành, địa phương tổ chức. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, quản lý tài chính, tài sản của nhà trường theo đúng quy định. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 09 thành viên
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng, 01 TPT đội, 21 GV, 03 nhân viên
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo điều lệ nhà trường)
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 17 đảng viên
- + Tổ chức công đoàn có 27 công đoàn viên
- + Ban đại diện CMHS
- + Các tổ chuyên môn gồm: 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng

đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chuyên môn, tổ văn phòng;

Quyết định số 531/QĐ-THCSHTĐ ngày 31/7/2024 về việc thành lập các tổ chuyên môn.

e. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng;

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	Hiệu trưởng	0982.576.292	thcs.yt.nttthuy@dongtrieu.edu.vn
2	Nguyễn Thị Thương	Phó Hiệu trưởng	0919.906.659	thcs.htd.ntthuong@dongtrieu.edu.vn
3	Đào Thị Thanh Hải	TT KHTN	0984.828.870	thcs.htd.dtthai@dongtrieu.edu.vn
4	Mai Thị Hương	TT KHXH	0934.330.439	thcs.htd.mthuong@dongtrieu.edu.vn
5	Trần Thị Hoa	TT VP	0705.684.618	th.htt.tt_hoa@dongtrieu.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Nhà trường có Phương hướng số 654/PH-HĐT ngày 23/12/2023 về Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2023-2028; QĐ Số 368/QĐ-HĐT ngày 30/9/2023 Quyết định ban hành Quy chế dân chủ; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; quy chế chi tiêu nội bộ; Quy tắc ứng xử; Quy chế thi đua-khen thưởng...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;
- b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;
- c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

(Có phụ lục thông tin cụ thể đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

- a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- b. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- c. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- d. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Có thông tin cụ thể tại phụ lục đính kèm)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

- a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;
- b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

(Có Kế hoạch cải tiến chất lượng năm học 2023-2024 và Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện năm học 2023-2024, Quyết định công nhận Trường chuẩn quốc gia, QĐ trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2023-2028, đính kèm)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông;

(Có phụ lục kết quả cụ thể đính kèm)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a. Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Phần thu năm 2023:

- Ngân sách nhà nước cấp năm 2023 (Nguồn kinh thường xuyên): 5.478.397.922 đ

- Ngân sách nhà nước cấp năm 2023 (Nguồn kinh không thường xuyên): 549.082.578 đ

b. Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên, ...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ, ...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng, ...); chi khác.

Phần chi thường xuyên và không thường xuyên năm 2023:

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao (Kể cả số điều chỉnh trong năm)	Quyết toán năm
A	B	1	2
-	Tổng số:	6.027.480.500	6.027.480.500
I	Chi thường xuyên	5.478.397.922	5.478.397.922

1	Chi thanh toán cá nhân	4.829.456.162	4.829.456.162
	Mục 6000: Tiền lương	2.063.293.333	2.063.293.333
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	111.453.333	111.453.333
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.641.105.534	1.641.105.534
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		
	Mục 6200: Tiền thưởng	14.580.000	14.580.000
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	5.975.000	5.975.000
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	639.323.805	639.323.805
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	353.725.157	353.725.157
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	558.644.760	558.644.760
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	35.116.387	35.116.387
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	94.466.000	94.466.000
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	17.873.673	17.873.673
	Mục 6650: Hội nghị	2.770.000	2.770.000
	Mục 6700: Công tác phí	27.485.000	27.485.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	54.152.200	54.152.200
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	64.346.000	64.346.000
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	262.435.500	262.435.500
3	Chi mua sắm, sửa chữa		
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		
	Mục 7050: Mua, đầu tư tài sản vô hình		
4	Mục 7750: Chi khác	90.297.000	90.297.000
II	Chi không thường xuyên	549.082.578	549.082.578
1	Chi thanh toán cá nhân	41.272.200	41.272.200

	Mục 6100: Phụ cấp lương	19.272.200	19.272.200
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	22.000.000	22.000.000
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	507.810.378	507.810.378
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	8.602.000	8.602.000
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	34.469.000	34.469.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	39.843.000	39.843.000
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	98.000.000	98.000.000
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	26.444.256	26.444.256
	Mục 7750: Chi khác	300.452.122	300.452.122

Phần Thu năm 2024:

- Ngân sách nhà nước cấp năm 2024 (Nguồn kinh thường xuyên):
6.456.050.078 đ

- Ngân sách nhà nước cấp năm 2024 (Nguồn kinh không thường xuyên):
89.856.000 đ

Phần chi 2024

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Thực hiện quý II năm 2024
1	2	3	4
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí	646.800.000	
1	Học phí	646.800.000	
	Chi thanh toán cho cá nhân	358.720.000	
	Mục 6000: Tiền lương	258.720.000	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	100.000.000	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	288.080.000	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	29.200.000	

	Mục 6550: Vật tư văn phòng	23.880.000	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	20.000.000	
	Mục 6700: Công tác phí	20.000.000	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	30.000.000	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	55.000.000	
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	70.000.000	
	Mục 7750: Chi khác	40.000.000	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	646.800.000	106.808.281
	Học phí	646.800.000	106.808.281
	Chi thanh toán cho cá nhân	358.720.000	3.690.000
	Mục 6000: Tiền lương	258.720.000	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	100.000.000	3.690.000
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	288.080.000	103.118.281
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	29.200.000	6.485.681
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	23.880.000	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	20.000.000	
	Mục 6700: Công tác phí	20.000.000	14.377.600
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	30.000.000	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	55.000.000	59.780.000
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	70.000.000	22.475.000
	Mục 7750: Chi khác	40.000.000	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.450.968.000	2.443.749.589
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.450.968.000	2.443.749.589
1	Chi thanh toán cho cá nhân	5.288.852.000	2.206.846.689
	Mục 6000: Tiền lương	2.150.000.000	1.189.404.057

	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	400.000.000	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.723.852.000	674.550.778
	Mục 6200: Tiền thưởng	20.000.000	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	10.000.000	2.805.000
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	950.000.000	337.890.854
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	35.000.000	2.196.000
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.012.116.000	236.128.500
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	72.116.000	9.880.604
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	130.000.000	17.615.000
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	80.000.000	11.402.896
	Mục 6650: Hội nghị	20.000.000	
	Mục 6700: Công tác phí	60.000.000	4.950.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	70.000.000	74.880.000
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	220.000.000	48.230.000
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	50.000.000	
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	300.000.000	69.170.000
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000	
	Các khoản chi khác	150.000.000	774.400
	Mục 7750: Chi khác	150.000.000	774.400

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Hỗ trợ miễn giảm học phí kì II năm học 2023-2024: 2.400.000đ
- Hỗ trợ chi phí học tập kì II năm học 2023-2024: 10.500.000đ
- Phụ cấp giáo viên dạy trẻ khuyết tật kì II năm học 2023-2024: 11.359.200đ

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác Đảng trong trường học

- Tổng số Đảng viên: 18/26, đạt 69,2%

Chuyển đảng chính thức 01 đồng chí; Cử quần chúng ưu tú tham gia lớp bồi dưỡng cảm tình đảng: 1 đồng chí;

- Chi bộ độc lập (hay ghép): Chi bộ độc lập.

- Đánh giá vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng, của người Đảng viên: Chi bộ Đảng luôn đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động trong nhà trường, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chi đạo thực hiện các nhiệm vụ giáo dục của ngành, đảng viên trong chi bộ đều gương mẫu, tiên phong, luôn đi đầu trong mọi hoạt động. Công tác phát triển đảng được quan tâm đúng mức.

2. Công tác xã hội hóa giáo dục

- Đại hội giáo dục: Tạo điều kiện thuận lợi để hội cựu giáo chức tổ chức các hoạt động hỗ trợ công tác giáo dục.

- Tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân; Tích cực xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, xây dựng kế hoạch cụ thể về XHH giáo dục để tăng cường các nguồn lực cho mua sắm trang thiết bị, các điều kiện cho nâng cao chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục.

- Huy động có hiệu quả nguồn kinh phí xây dựng quỹ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh để khen thưởng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh nghèo.

Công tác xã hội hoá được duy trì đạt hiệu quả tốt.

3. Công tác thi đua khen thưởng

- Đánh giá thực hiện chỉ đạo các phong trào thi đua trong năm: Đã xây dựng kế hoạch, tổ chức đăng ký thi đua và triển khai thực hiện kế hoạch đạt kết quả tốt.

- Đánh giá việc thực hiện các hoạt động: Thực hiện tốt các nội dung về: Kế hoạch hóa gia đình, kỉ cương tình thương trách nhiệm, cuộc vận động dân chủ hóa trường học, cuộc vận động "2 không", cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", các cuộc vận động khác do ngành phát động.

- Hội đồng thi đua khen thưởng thương xuyên phát động các phong trào thi đua theo chỉ đạo của ngành, đánh giá xếp loại thi đua công bằng, khách quan, có tác dụng thúc đẩy các phong trào thi đua.

- Kết quả thi đua: Đề nghị công nhận danh hiệu thi đua năm học 2023-2024:

+ Tập thể :

Trường: Tập thể lao động tiên tiến.

Đề nghị Ủy ban nhân dân Thị xã tặng giấy khen

+ Cá nhân giáo viên:

Lao động tiên tiến: 26

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 05

Đề nghị UBND Thị xã tặng Giấy khen: 04

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Thủy